

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ Cổng làng thôn Khanh Đoài đi thôn Trung Ngoại xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hoá thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”, vay vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (WB)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Hiệp định tín dụng số 6079-VN, ký ngày 03/8/2018 giữa Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 1387/QĐ-TTg ngày 23/10/2018 về phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 về việc quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: Số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 về việc phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 286/QĐ-BNN-HTQT

ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/5/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đầu tư dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 288/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019 về việc phê duyệt Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”; số 2198/QĐ-BNN-HTQT ngày 13/6/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”;

Căn cứ Quyết định số 3715/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc phân công thẩm định dự án và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 về việc phê duyệt dự án thành phần; số 987/QĐ-UBND ngày 23/03/2020 về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể dự án; số 4099/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 về việc phê duyệt thư quan tâm (danh mục đầu tư) các gói cơ sở hạ tầng thuộc tiểu hợp phần 3.2 - dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa”; số 1416/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 1729/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2022 của dự án thành phần thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Thanh Hóa”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5711/TTr-SGTVT ngày 28/10/2022 (kèm theo Văn bản thẩm định số 5658/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2022 và hồ sơ có liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ Cổng làng thôn Khanh Đoài đi thôn Trung Ngoại xã Hoằng Yên, huyện Hoằng Hoá thuộc dự án “Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và Tăng cường tính chống chịu vùng ven biển”, vay vốn ODA của Ngân hàng Thế giới (WB) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ Cổng làng thôn Khanh Đoài đi thôn Trung Ngoại xã Hoằng Yên, huyện Hoằng Hoá .

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Nâng cấp, đồng bộ hóa hệ thống hạ tầng giao thông trong vùng, phục vụ nhu cầu đi lại, phát triển sản xuất nông nghiệp và hỗ trợ các giải pháp công trình nhằm tăng cường khả năng giám sát, thực hiện các hoạt động trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trồng ven biển.

4. Nhà thầu tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Thăng Long.

5. Địa điểm xây dựng: Xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hoá.

6. Diện tích sử dụng đất: Khoảng 0,66ha.

7. Quy mô công trình: Nâng cấp 1.085m đường giao thông, gồm 2 đoạn đường, cụ thể:

- Đoạn số 1: Chiều dài 354m đảm bảo quy mô đường cấp V đồng bằng (theo TCVN 4054-2005), có vận tốc $V_{tk}=40\text{km/h}$; mặt đường bằng bê tông xi măng; tần suất thủy văn tính toán $P=4\%$.

- Đoạn số 2: Chiều dài 731m đảm bảo quy mô đường cấp B (theo TCVN 10380-2014), có vận tốc $V_{tk}=20\text{km/h}$; mặt đường bằng bê tông xi măng; tần suất thủy văn tính toán $P=10\%$.

8. Phạm vi dự án

- Đoạn số 1: Điểm đầu Km0+00 tại Cổng làng thôn Khanh Đoài; điểm cuối Km0+354 tại ngã tư thôn Khanh Đoài, xã Hoàng Yên.

- Đoạn số 2: Điểm đầu Km0+354 nối tiếp đoạn số 01 tại ngã tư thôn Khanh Đoài; điểm cuối Km1+085 nối tiếp đường nội đồng hướng đến thôn Trung Ngoại, xã Hoàng Yên.

- Tổng chiều dài tuyến 1.085m.

9. Giải pháp thiết kế chủ yếu

9.1. Bình đồ, hướng tuyến: Tim tuyến cơ bản bám theo đường hiện trạng và giảm tối đa khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng, đảm bảo theo đúng tiêu chuẩn cấp đường; bán kính cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=200\text{m}$.

9.2. Trắc dọc tuyến: Đường đò thiết kế trên cơ sở cao độ hiện trạng, các điểm khống chế (điểm đầu Km0+00, cọc P6 Km0+354; điểm cuối Km1+085) và tần suất thủy văn tính toán; độ dốc dọc lớn nhất $i_{max}=1,21\%$.

9.3. Mặt cắt ngang: Đoạn số 1 chiều rộng nền đường $B_n=7,5\text{m}$, mặt đường $B_m=5,5\text{m}$, lề đất $B_l=2\times 1,0\text{m}=2,0\text{m}$; đoạn số 2 chiều rộng nền đường $B_n=5,0\text{m}$, mặt đường $B_m=3,5\text{m}$, lề đất $B_l=2\times 0,75\text{m}=1,5\text{m}$; trên đường thẳng độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$, dốc ngang lề đất $i_l=4\%$.

9.4. Kết cấu áo đường: Đoạn số 1 bằng bê tông xi măng mác 300 dày 24cm, móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm; đối với mặt đường cũ bằng bê tông xi măng, tăng cường bằng bê tông xi măng mác 300 dày 24cm. Đoạn số 2 bằng bê tông xi măng mác 300 dày 20cm, móng đá 4x6 chèn đá dăm dày 12cm.

9.5. Nền đường: Tuyến chủ yếu là nền đắp, đắp bằng đất đòi đạt độ chặt $K\geq 0,95$, mái ta luy 1/1,5, trước khi đắp đào bỏ lớp đất không thích hợp chiều dày phụ thuộc vào địa chất từng vị trí.

9.6. Đường ngang: Vuốt nổi theo hiện trạng tạo êm thuận và an toàn giao thông bằng bê tông mác 300.

9.7. Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa và rãnh thoát nước dọc; tại ngã tư nút giao (cuối tuyến 1 và đầu tuyến 2) xây dựng 25m rãnh kín chịu lực, tiết diện chữ

nhật có chiều rộng lòng rãnh 50cm, cấu tạo thân rãnh và tấm bản bằng bê tông cốt thép mác 250 dày 15cm; gờ chắn bê tông mác mác 200.

9.9. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí biển báo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

(Chi tiết có hồ sơ thiết kế xây dựng kèm theo Tờ trình số 5711/TTr-SGTVT ngày 28/10/2022 của Sở Giao thông vận tải)

10. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm C, công trình giao thông đường bộ, cấp III.

11. Số bước thiết kế: 01 bước (Báo cáo kinh tế kỹ thuật).

12. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng: Chấp thuận danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho dự án theo Văn bản thẩm định số 5658/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2022 của Sở Giao thông vận tải.

13. Tổng mức đầu tư phê duyệt (làm tròn): 3.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	2.939.826.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	82.315.000	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD:	278.169.000	đồng;
- Chi phí khác:	55.184.000	đồng;
- Chi phí dự phòng (khối lượng):	144.506.000	đồng.

(có Phụ lục tổng mức đầu tư kèm theo)

14. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Từ nguồn vốn vay IDA của Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng.

15. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 - 2023.

16. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi giải phóng mặt bằng: Phạm vi đất của đường bộ theo khoản 3 Điều 14 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ).

- Phương án tổ chức thực hiện: Giao UBND huyện Hoàng Hóa thực hiện theo Công văn số 2390/UBND-NN&PTNT ngày 19/10/2021 về cam kết bố trí mặt bằng để thực hiện dự án.

17. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản thẩm định số 5658/SGTVT-TĐKHKT ngày 26/10/2022 và ý kiến các ngành liên quan, cụ thể:

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế hoàn thiện hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật theo nội dung đã được thẩm định của Sở Giao thông vận tải trước khi đóng dấu thẩm định hồ sơ thiết kế bảo vệ thi công và tổng mức đầu tư.

- Về mở đất đắp: Thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện nội dung Công văn số 15465/UBND-CN ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh về việc giải quyết khó khăn vướng mắc về nguồn vật liệu cung cấp cho các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh để kịp thời cập nhật, điều chỉnh vị trí mở đất đắp và giá đất mua trên phương tiện tại mỏ; đồng thời báo cáo các cấp nếu vượt thẩm quyền.

- Cập nhật giá vật liệu, nhiên liệu trên cơ sở công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh của Liên Sở Xây dựng - Tài chính, báo giá của nhà cung cấp tại thời điểm phê duyệt. Có trách nhiệm cập nhật lại giá gói thầu trong thời gian 28 ngày trước ngày mở thầu (nếu cần thiết); chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình có liên quan đến các gói thầu được phê duyệt.

- Chỉ đạo đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công nâng cao vai trò trách nhiệm, thường xuyên theo dõi kiểm tra thực tế hiện trường để xác định, kiểm tra sai khác để có giải pháp xử lý kịp thời đảm bảo chất lượng và tuổi thọ công trình theo thiết kế, cũng như tiến độ và hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của dự án. Đồng thời, thực hiện điều chỉnh kịp thời, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

- Trong quá trình thi công, chỉ đạo nhà thầu và các đơn vị có liên quan thực hiện đúng các quy định hiện hành về đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ theo quy định. Biện pháp thi công chủ đạo trong hồ sơ là các chỉ dẫn chính về biện pháp thi công và an toàn trong quá trình xây dựng đối với các hạng mục chủ yếu của công trình. Khi triển khai thi công, Ban quản lý dự án, tư vấn giám sát yêu cầu nhà thầu căn cứ điều kiện thực tế về năng lực của nhà thầu, thời điểm thi công, nghiên cứu tính toán, lập biện pháp thi công chi tiết, trình chấp thuận theo quy định để triển khai thực hiện đảm bảo tuyệt đối an toàn trong quá trình thi công.

2. Sở Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu và sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình được thẩm định; theo dõi, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ chủ đầu tư tổ chức triển khai, đầu tư, xây dựng công trình theo đúng quy định của pháp luật và nội dung phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. UBND huyện Hoằng Hoá tổ chức thu hồi đất (nếu có); bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giao các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT để giải quyết các công việc có liên quan đến sở, ngành mình; đồng thời, chủ động theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giám sát Sở Nông nghiệp và PTNT triển khai thực hiện nội dung nêu trên theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hoằng Hoá và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN, CN.

(MC121.11.22)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Công trình: Nâng cấp cải tạo tuyến đường từ Cổng làng thôn Khanh Đoài
đi thôn Trung Ngoại xã Hoàng Yên, huyện Hoàng Hoá

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	Cách tính	Giá trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	Dự toán chi tiết	2.722.061.003	217.764.880	2.939.826.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN				
		2.722.061.003 x 3,024%	82.315.000		82.315.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD				
			257.782.066	20.385.936	278.169.000
1	Chi phí khảo sát	số 222/QĐ-SNN&PTNT ngày 01/6/2022	51.712.963	4.137.037	55.850.000
2	Chi phí lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật		102.848.148	8.227.852	111.076.000
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát	51.712.963 x 3,000%	1.551.389	124.111	1.676.000
4	Chi phí giám sát khảo sát	51.712.963 x 4,072%	2.105.752	168.460	2.274.000
5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	2.722.061.003 x 0,346%	9.418.331	753.466	10.172.000
6	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả LCNT	2.957.869.000 x 0,100%	2.957.869		2.958.000
7	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2.722.061.003 x 3,203%	87.187.614	6.975.009	94.163.000
IV	CHI PHÍ KHÁC				
			53.303.395	1.880.966	55.184.000
1	Phí thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật	3.500.000.000 x 0,019%	665.000		665.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	3.355.494.000 x 0,570%	19.126.316		19.126.000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	2.722.061.003 x 0,250%	6.805.153	544.412	7.350.000
4	Chi phí kiểm tra công trình nghiệm thu	Tạm tính	10.000.000		10.000.000
5	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	Dự toán chi tiết	16.706.927	1.336.554	18.043.000
V	DỰ PHÒNG (khối lượng)				
		3.355.494.000 x 4,31%	144.506.000		144.506.000
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (làm tròn)		(I+II+III+IV+V)	3.259.967.464	240.031.782	3.500.000.000